TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. T **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/DS-ST
Ngày: 06/11/2019
V/v "Tranh chấp về thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - TỈNH H

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Dương Thị Phương Dung**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Xuân Vinh**
Bà **Nguyễn Thị Tỉnh**
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Hồ Thị Thư** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa:*** Ông **Lê Hoàng Anh** - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 06 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 412/2019/TLST-DS ngày 30/7/2019 về việc "***Tranh chấp về thừa kế tài sản***", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐST-DS ngày 23/10/2019, giữa các đương sự sau:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị T –** Sinh năm 1940

Địa chỉ: 6/1 đường T, phường L, thành phố T.

Có mặt

- *Bị đơn:* 1/ Ông **Nguyễn Văn H –** Sinh năm 1963

Địa chỉ: 149/11 đường N, xã N, thành phố T.

Vắng mặt

2/ Ông **Nguyễn Văn H1 –** Sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ 21 thôn N, xã T, thành phố T

Vắng mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Ông **Nguyễn Văn D –** Sinh năm 1961

Địa chỉ: 116/6 đường P, thành phố T

Vắng mặt

2/ Bà **Nguyễn Thị Thu H –** Sinh năm 1970

Địa chỉ: 6/1 đường T, phường L, thành phố T

Có mặt

3/ **Ngân hàng N**

Địa chỉ: 02 đường H, quân Đ, thành phố N.

Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và lời khai tại phiên toà sơ thẩm nguyên đơn - bà Lê Thị T trình bày:*

Tôi và ông Nguyễn D kết hôn năm 1960 có đăng ký kết hôn. Chúng tôi có 4 con chung là: Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn D và Nguyễn Thị Thu H. Chồng tôi chết năm 2018. Cha mẹ chồng tôi là cụ Nguyễn Quang C chết năm 1947 và cụ Lê Thị T chết năm 1957. Ngoài ra chồng tôi không có con nuôi, con riêng nào khác. Trong thời gian chung sống chúng tôi có một khoản tiền tiết kiệm gửi tại Ngân hàng N với số tiền khoảng hơn 230.000.000 đồng, sổ tiết kiệm đứng tên chồng tôi. Nay tôi yêu cầu chia thừa kế ½ số tiền tiết kiệm này theo quy định của pháp luật.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 21/8/2019:* Cha tôi là ông Nguyễn D (chết năm 2018) và mẹ tôi là bà Lê Thị T. Cha mẹ tôi có 04 người con là tôi, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Thu H và Nguyễn Văn D. Cha tôi không có con riêng, con nuôi nào khác. Ông bà nội của tôi chết đã lâu (chết trước cha tôi). Nay mẹ tôi là bà Lê Thị T yêu cầu chia thừa kế là số tiền tiết kiệm đang gửi tại Ngân hàng N, sổ tiết kiệm đứng tên cha tôi là ông Nguyễn D. Tôi đồng ý, Tòa án cứ giải quyết theo quy định của pháp luật. Tôi xin nhận phần thừa kế của mình.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn H1 trình bày tại bản tự khai ngày 20/8/2019:* Cha tôi là ông Nguyễn D (chết năm 2018) và mẹ tôi là bà Lê Thị T. Cha mẹ tôi có 04 người con là tôi, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn D và Nguyễn Thị Thu H. Cha tôi không có con riêng, con nuôi nào khác. Ông bà nội của tôi chết khi cha tôi còn nhỏ. Sau khi cha tôi chết, do gia đình tôi không hòa thuận nên không thể gặp mặt nhau để nói chuyện. Nay mẹ tôi yêu cầu chia thừa kế là số tiền tiết kiệm đang gửi tại Ngân hàng N, sổ tiết kiệm đứng tên cha tôi là ông Nguyễn D. Tôi đồng ý, Tòa án cứ giải quyết theo quy định của pháp luật. Tôi xin nhận phần thừa kế của mình.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 14/8/2019:* Cha tôi là ông Nguyễn D (chết năm 2018) và mẹ tôi là bà Lê Thị T. Cha mẹ tôi có 04 người con là tôi, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Thị Thu H. Cha tôi không có con riêng, con nuôi nào khác. Ông bà nội của tôi chết khi cha tôi còn nhỏ. Nay mẹ tôi yêu cầu chia thừa kế là số tiền tiết kiệm đang gửi tại Ngân hàng N, sổ tiết kiệm đứng tên cha tôi là ông Nguyễn D. Tôi đồng ý, Tòa án cứ giải quyết theo quy định của pháp luật. Kỷ phần thừa kế mà tôi được hưởng, tôi xin không nhận và giao lại cho mẹ tôi là bà Lê Thị T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H trình bày tại bản tự khai và tại phiên tòa:* Cha mẹ tôi là ông Nguyễn D và bà Lê Thị T. Cha mẹ tôi có 4 người con là tôi, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H1 và Nguyễn Văn D. Ông bà nội tôi là cụ Nguyễn Quang C chết năm 1947 và cụ Lê Thị T chết năm 1957. Cha tôi không có con riêng, con nuôi nào khác. Khi còn sống cha mẹ tôi có một khoản tiền tiết kiệm gửi tại Ngân hàng N, sổ tiết kiệm đứng tên cha tôi là ông Nguyễn D. Cha tôi

chết năm 2018. Nay mẹ tôi yêu cầu chia thừa kế số tiền tiết kiệm trên, tôi đồng ý. Phần tôi được hưởng, tôi xin nhường lại cho mẹ tôi.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng N trình bày tại đơn đề ngày 14/10/2019:* Khi còn sống ông Nguyễn D có gửi tiết kiệm tại Ngân hàng N. Đến thời điểm ngày 14/10/2019 có thông tin sau:

- Sổ tiết kiệm AB 00003814994, số tài khoản 4708401006463. Số tiền trên sổ 29.500.900 đồng.
- Sổ tiết kiệm AD00004393116, số tài khoản 4708683021379. Số tiền trên sổ 216.535.300 đồng.

Ngân hàng N sẽ giải quyết cho người nhận thừa kế đối với hai sổ tiết kiệm trên đây theo phán quyết của Tòa án.

Phát biểu tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố T đã nêu: Trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự và đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Việc bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu chia thừa kế. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn H1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D, Ngân hàng N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng đều có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về việc chia thừa kế là số tiền tiết kiệm đang được gửi tại Ngân hàng N, sổ tiết kiệm đứng tên ông Nguyễn D.

2.1.

- Sổ tiết kiệm AB 00003814994, số tài khoản 4708401006463. Tên khách hàng là ông Nguyễn D, ngày mở sổ là ngày 07/3/2018. Số tiền trên sổ tính đến ngày 14/10/2019 là 29.500.900 đồng.
- Sổ tiết kiệm AD00004393116, số tài khoản 4708683021379. Tên khách hàng là ông Nguyễn D, ngày mở sổ là ngày 23/10/2017. Số tiền trên sổ tính đến ngày 14/10/2019 là 216.535.300 đồng.

Các đương sự không ai tranh chấp về quyền sở hữu đối với số tiền trong hai sổ tiết kiệm này. Vì vậy, đây là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông Nguyễn D và bà Lê Thị T theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015.

2.2. Ông Nguyễn D chết ngày 17/8/2018. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015, hàng thừa kế thứ nhất của ông D gồm vợ là bà Lê Thị T; các con của ông D gồm: Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị Thu H và Nguyễn Văn H1. Bà T, ông H, ông D, bà H và ông H1 đều thống nhất là

cha mẹ ông D đều chết khi công D còn nhỏ và ông D không có con riêng, con nuôi nào khác.

2.3. Ông D chết làm phát sinh quyền thừa kế đối với di sản ông D để lại là ½ số tiền tiết kiệm hiện đang gửi tại Ngân hàng N. Do đó, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về yêu cầu chia thừa kế đối với số tiền tiết kiệm trên.

Cụ thể:

- Sổ tiết kiệm AB 00003814994, số tài khoản 4708401006463. Tên khách hàng là ông Nguyễn D, ngày mở sổ là ngày 07/3/2018. Số tiền trên sổ tính đến ngày 14/10/2019 là 29.500.900 đồng. Bà Lê Thị T và ông Nguyễn D mỗi người được ½ số tiền là 14.750.450 đồng.

Bà T, ông H, ông D, bà H, ông H1 mỗi người được hưởng 1/5 số tiền ông D để lại là 2.950.090 đồng

+ Bà Lê Thị T được nhận 14.750.450 đồng + 2.950.090 đồng = 17.700.540 đồng (*mười bảy triệu bảy trăm nghìn năm trăm bốn mươi đồng*) và tiền lãi theo quy định của Ngân hàng N dựa trên số tiền được nhận kể từ ngày 15/10/2019 cho đến ngày nhận tiền. **(1)**

+ Ông Nguyễn Văn H được nhận 2.950.090 đồng (*hai triệu chín trăm năm mươi nghìn không trăm chín mươi đồng*) và tiền lãi theo quy định của Ngân hàng N dựa trên số tiền được nhận kể từ ngày 15/10/2019 cho đến ngày nhận tiền.

+ Ông Nguyễn Văn H1 được nhận 2.950.090 đồng (*hai triệu chín trăm năm mươi nghìn không trăm chín mươi đồng*) và tiền lãi theo quy định của Ngân hàng N dựa trên số tiền được nhận kể từ ngày 15/10/2019 cho đến ngày nhận tiền.

+ Ông Nguyễn Văn D được nhận 2.950.090 đồng (*hai triệu chín trăm năm mươi nghìn không trăm chín mươi đồng*) và tiền lãi theo quy định của Ngân hàng N dựa trên số tiền được nhận kể từ ngày 15/10/2019 cho đến ngày nhận tiền. **(2)**

+ Bà Nguyễn Thị Thu H được nhận 2.950.090 đồng (*hai triệu chín trăm năm mươi nghìn không trăm chín mươi đồng*) và tiền lãi theo quy định của Ngân hàng N dựa trên số tiền được nhận kể từ ngày 15/10/2019 cho đến ngày nhận tiền. **(3)**

Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Thu H đều có ý kiến nhường phần thừa kế mình được nhận cho bà Lê Thị T. Vì vậy, bà Lê Thị T được nhận: **(1) + (2) + (3)** = 17.700.540 đồng + 2.950.090 đồng + 2.950.090 đồng = 23.600.720 đồng (*hai mươi ba triệu sáu trăm nghìn bảy trăm hai mươi đồng*) và tiền lãi theo quy định của Ngân hàng N dựa trên số tiền được nhận kể từ ngày 15/10/2019 cho đến ngày nhận tiền.

- Sổ tiết kiệm AD00004393116, số tài khoản 4708683021379. Tên khách hàng là ông Nguyễn D, ngày mở sổ là ngày 23/10/2017. Số tiền trên sổ tính đến ngày 14/10/2019 là 216.535.300 đồng. Bà Lê Thị T và ông Nguyễn D mỗi người được ½ số tiền là 108.267.650 đồng.

Bà T, ông H, ông D, bà H, ông H1 mỗi người được hưởng 1/5 số tiền ông D để lại là 21.653.530 đồng

+ Bà Lê Thị T được nhận 108.267.650 đồng + 21.653.530 đồng = 129.921.180 đồng (*một trăm hai mươi chín triệu chín trăm hai mươi mốt nghìn một trăm tám mươi đồng*) và tiền lãi theo quy định của Ngân hàng N dựa trên số tiền được nhận kể từ ngày 15/10/2019 cho đến ngày nhận tiền. **(1)**

+ Ông Nguyễn Văn H được nhận 21.653.530 đồng (*hai mươi mốt triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn năm trăm ba mươi đồng*) và tiền lãi theo quy định của Ngân hàng N dựa trên số tiền được nhận kể từ ngày 15/10/2019 cho đến ngày nhận tiền.

+ Ông Nguyễn Văn H1 được nhận 21.653.530 đồng (*hai mươi mốt triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn năm trăm ba mươi đồng*) và tiền lãi theo quy định của Ngân hàng N dựa trên số tiền được nhận kể từ ngày 15/10/2019 cho đến ngày nhận tiền.

+ Ông Nguyễn Văn D được nhận 21.653.530 đồng (*hai mươi mốt triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn năm trăm ba mươi đồng*) và tiền lãi theo quy định của Ngân hàng N dựa trên số tiền được nhận kể từ ngày 15/10/2019 cho đến ngày nhận tiền. **(2)**

+ Bà Nguyễn Thị Thu H được nhận 21.653.530 đồng (*hai mươi mốt triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn năm trăm ba mươi đồng*) và tiền lãi theo quy định của Ngân hàng N dựa trên số tiền được nhận kể từ ngày 15/10/2019 cho đến ngày nhận tiền. **(3)**

Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Thu H đều có ý kiến nhường phần thừa kế mình được nhận cho bà Lê Thị T. Vì vậy, bà Lê Thị T được nhận: **(1) + (2) + (3)** = 129.921.180 đồng + 21.653.530 đồng + 21.653.530 đồng = 173.228.240 đồng (*một trăm bảy mươi ba triệu hai trăm hai mươi tám nghìn hai trăm bốn mươi đồng*) và tiền lãi theo quy định của Ngân hàng N dựa trên số tiền được nhận kể từ ngày 15/10/2019 cho đến ngày nhận tiền.

Về án phí: Bà Lê Thị T là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền được nhận là 2.950.000 đồng + 21.653.530 đồng = 24.603.530 đồng x 5% = 1.230.000 đồng (*một triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng*) (tính tròn).

Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền được nhận là 2.950.000 đồng + 21.653.530 đồng = 24.603.530 đồng x 5% = 1.230.000 đồng (*một triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng*) (tính tròn).

Bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn H liên hệ với Ngân hàng N để nhận số tiền trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 5 Điều 26, Điều 227, Điều 235, Điều 264, Điều 267 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 649, Điều 651 và Điều 660 của Bộ luật Dân sự;
- Áp dụng Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Đối với Sổ tiết kiệm AB 00003814994, số tài khoản 4708401006463. Tên khách hàng là ông Nguyễn D, ngày mở sổ là ngày 07/3/2018.

+ Bà Lê Thị T được nhận 23.600.720 đồng (*hai mươi ba triệu sáu trăm nghìn bảy trăm hai mươi đồng*) và tiền lãi theo quy định của Ngân hàng N dựa trên số tiền được nhận kể từ ngày 15/10/2019 cho đến ngày nhận tiền.

+ Ông Nguyễn Văn H được nhận 2.950.090 đồng (*hai triệu chín trăm năm mươi nghìn không trăm chín mươi đồng*) và tiền lãi theo quy định của Ngân hàng N dựa trên số tiền được nhận kể từ ngày 15/10/2019 cho đến ngày nhận tiền.

+ Ông Nguyễn Văn H được nhận 2.950.090 đồng (*hai triệu chín trăm năm mươi nghìn không trăm chín mươi đồng*) và tiền lãi theo quy định của Ngân hàng N dựa trên số tiền được nhận kể từ ngày 15/10/2019 cho đến ngày nhận tiền.

- Đối với Sổ tiết kiệm AD00004393116, số tài khoản 4708683021379. Tên khách hàng là ông Nguyễn D, ngày mở sổ là ngày 23/10/2017.

+ Bà Lê Thị T được nhận 173.228.240 đồng (*một trăm bảy mươi ba triệu hai trăm hai mươi tám nghìn hai trăm bốn mươi đồng*) và tiền lãi theo quy định của Ngân hàng N dựa trên số tiền được nhận kể từ ngày 15/10/2019 cho đến ngày nhận tiền.

+ Ông Nguyễn Văn H được nhận 21.653.530 đồng (*hai mươi mốt triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn năm trăm ba mươi đồng*) và tiền lãi theo quy định của Ngân hàng N dựa trên số tiền được nhận kể từ ngày 15/10/2019 cho đến ngày nhận tiền.

+ Ông Nguyễn Văn H1 được nhận 21.653.530 đồng (*hai mươi mốt triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn năm trăm ba mươi đồng*) và tiền lãi theo quy định của Ngân hàng N dựa trên số tiền được nhận kể từ ngày 15/10/2019 cho đến ngày nhận tiền.

Bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn H liên hệ với Ngân hàng N để nhận số tiền trên.

2/ Về án phí:

Bà Lê Thị T là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền được nhận là 1.230.000 đồng (*một triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng*) (tính tròn).

Ông Nguyễn Văn H1 phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền được nhận là 1.230.000 đồng (*một triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng*) (tính tròn).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thu H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn - ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn H1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Văn D và Ngân hàng N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- *Tòa án nhân dân tỉnh H;*
- *Viện kiểm sát nhân dân Tp. T;*
- *Chi cục thi hành án Dân sự Tp. T;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

Đào Dương Thị Phương Dung